ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 22/2013/QĐ-UBND	*Quảng Trị, ngày 26 tháng 8 năm 2013*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế tạo lập, quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Thông tư số 161/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quy chế xử lý nợ bị rủi ro của Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 24/2005/TT-BTC ngày 01 tháng 4 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2002;

Thực hiện Quyết định số 15/QĐ-HĐQT ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành Quy định xử lý nợ bị rủi ro trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội;

Thực hiện Công văn số 2748/NHCS-QLN ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam về việc ủy quyền gia hạn nợ rủi ro; Hướng dẫn số 949A/NHCS-KH ngày 11 tháng 5 năm 2010 của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam về xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tín dụng trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế tạo lập, quản lý, sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Tạo lập, quản lý, sử dụng vốn ủy thác từ ngân sách địa phương qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

(Ban hành kèm theo Quyết định số 22/2013/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2013 của UBND tỉnh Quảng Trị)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, yêu cầu, đối tượng áp dụng

Thực hiện Chương trình mục tiêu xóa đói, giảm nghèo và tạo việc làm tại địa phương, UBND tỉnh trích nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Quảng Trị để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác phát triển sản xuất, kinh doanh, từng bước nâng cao thu nhập, ổn định đời sống, góp phần xóa đói, giảm nghèo trên địa bàn.

Điều 2. Nguồn vốn thực hiện

Nguồn vốn thực hiện cho vay là nguồn vốn từ ngân sách cấp tỉnh, ủy thác cho Chi nhánh Chính sách xã hội tỉnh để quản lý, sử dụng cho vay theo quy định tại Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Đối tượng vay vốn

1. Hộ nghèo, hộ cận nghèo có hộ khẩu thường trú hoặc có đăng ký tạm trú dài hạn tại địa phương nơi cho vay, có tên trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo ở (xã, phường, thị trấn) sở tại theo chuẩn nghèo do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công bố từng thời kỳ.

2. Hộ kinh doanh cá thể, tổ hợp sản xuất, hợp tác xã hoạt động theo Luật Hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật, doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, chủ trang trại, Trung tâm Giáo dục lao động và Xã hội (gọi chung là cơ sở sản xuất kinh doanh).

Chương II
CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Cơ chế tạo lập nguồn vốn

Căn cứ vào mục tiêu về xóa đói, giảm nghèo và tạo việc làm, nhu cầu vốn vay và khả năng của ngân sách tỉnh, UBND tỉnh xem xét quyết định bổ sung vốn ủy thác

từ ngân sách tỉnh hoặc nguồn vốn từ các chương trình, dự án do tỉnh quản lý chuyển sang Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (sau khi thống nhất với Thường trực HĐND tỉnh) để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác theo từng năm hoặc đột xuất (nếu có).

Điều 5. Cơ chế cho vay

Cơ chế cho vay được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về tín dụng đối với người nghèo, các đối tượng chính sách khác và các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

Điều 6. Hạch toán, theo dõi

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn và dư nợ cho vay được theo dõi trên tài khoản riêng theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

Điều 7. Phân phối và sử dụng lãi thu được từ nguồn vốn ủy thác

a) Lãi thu được từ nguồn vốn ủy thác được sử dụng để chi trả phí ủy thác, hoa hồng; trích lập dự phòng rủi ro tín dụng; bù đắp chi phí hoạt động nghiệp vụ, chi phí quản lý của Ngân hàng Chính sách xã hội và các cơ quan, đơn vị có liên quan đến đối tượng vay từ nguồn vốn ủy thác.

b) Hàng quý, căn cứ vào số lãi thu được từ nguồn vốn ủy thác để tính toán phân bổ cho các mục sau:

- Trích 60% số lãi thực thu để chi trả các khoản chi phí của Ngân hàng Chính sách xã hội, gồm: chi trả hoa hồng cho Tổ tiết kiệm và vay vốn, chi trả phí ủy thác cho tổ chức Hội, đoàn thể nhận ủy thác cho vay, phí vật liệu, văn phòng phẩm, giấy tờ in liên quan đến hoạt động cho vay và thu hồi vốn;

- Trích 30% số lãi thực thu lập Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng;

- Trích 10% số lãi thực thu lập "phí hoạt động của Ban đại diện" (bao gồm cả Quỹ Khen thưởng).

Điều 8. Xử lý rủi ro tín dụng

1. Phạm vi xử lý nợ bị rủi ro: Chỉ xử lý đối với các trường hợp do nguyên nhân khách quan.

2. Nguyên tắc xử lý nợ bị rủi ro, biện pháp xử lý nợ bị rủi ro, thời điểm xem xét xử lý rủi ro, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý rủi ro được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội và Thông tư số 161/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quy chế xử lý nợ bị rủi ro của Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg và các văn bản hướng dẫn hiện hành khác của Ngân hàng Chính sách xã hội.

3. Về thẩm quyền xử lý rủi ro

a) Chủ tịch UBND tỉnh: Quyết định đối với việc khoanh nợ, xóa nợ (gốc, lãi) theo đề nghị của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

b) Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh: Quyết định đối với việc gia hạn nợ cho các đối tượng vay vốn.

4. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro

- Nguồn vốn để xóa nợ gốc và lãi cho khách hàng được sử dụng từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh;

- Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro được trích lập không đủ bù đắp thì Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Giám đốc Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định cấp kinh phí bù đắp hoặc giảm trừ nguồn vốn cho vay.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Sở Tài chính

- Thẩm định nhu cầu nguồn vốn do Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đề nghị bổ sung hàng năm, báo cáo UBND tỉnh xem xét bổ sung vốn ủy thác cho vay theo quy định;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và các đơn vị liên quan kiểm tra tình hình thực hiện, kết quả sử dụng vốn ngân sách ủy thác;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và các đơn vị liên quan phúc tra hồ sơ vay vốn rủi ro; phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh thẩm định hồ sơ vay vốn bị rủi ro, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định;

- Kiểm tra việc phân phối, sử dụng lãi thu được theo Điều 7 Quy chế này.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh lập kế hoạch nhu cầu vốn ngân sách tỉnh ủy thác;

- Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và các đơn vị liên quan kiểm tra tình hình thực hiện, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và các đơn vị liên quan kiểm tra tình hình, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác;

- Phối hợp với Sở Tài chính, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh thẩm định hồ sơ vay vốn bị rủi ro, phúc tra và lập thủ tục xử lý rủi ro báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

4. Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh: Phối hợp với Sở Tài chính, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và các đơn vị liên quan kiểm tra tình hình thực hiện, kết quả sử dụng vốn ủy thác; thẩm định hồ sơ xử lý rủi ro.

5. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

- Quản lý và sử dụng vốn ủy thác theo đúng quy định;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan lập kế hoạch nhu cầu vốn ngân sách tỉnh ủy thác; phúc tra hồ sơ xử lý rủi ro;

- Thực hiện giải ngân, thu hồi nợ; sử dụng vốn thu hồi để cho vay quay vòng;

- Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra tình hình thực hiện, kết quả sử dụng vốn ủy thác, xử lý nợ theo quy định;

- Chủ trì thẩm định hồ sơ đề nghị gia hạn, khoanh nợ, xóa nợ, tổng hợp xử lý theo thẩm quyền hoặc trình UBND tỉnh xem xét, quyết định;

- Tổ chức thực hiện quy định xử lý rủi ro tín dụng;

- Định kỳ hàng năm lập dự toán phân phối và sử dụng lãi thu được từ nguồn vốn ủy thác tại Điều 7; cuối năm quyết toán các khoản chi phí gửi Sở Tài chính thẩm định quyết toán theo quy định;

- Định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo kết quả thực hiện cho vay từ nguồn vốn ủy thác vốn ngân sách tỉnh gửi UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

6. UBND huyện, thị xã, thành phố

Chỉ đạo các cơ quan chức năng, Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện, thị xã, thành phố thực hiện đúng cơ chế, chính sách cho vay từ nguồn vốn ủy thác. Thực hiện kiểm tra công tác cho vay từ nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác trên địa bàn.

7. UBND phường, xã, thị trấn

- Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn;

- Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đôn đốc thu hồi nợ;

- Có ý kiến về đề nghị của người vay đối với trường hợp xin gia hạn nợ, xử lý nợ rủi ro; phối hợp với các cơ quan, đơn vị cấp trên trong việc phúc tra, xác định hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

8. Các tổ chức chính trị - xã hội

- Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ tiết kiệm và vay vốn để thực hiện ủy thác cho vay;

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản liên tịch và hợp đồng ủy thác đã ký với Ngân hàng Chính sách xã hội.

9. Đối với hộ vay: Sử dụng vốn đúng mục đích, chấp hành việc trả nợ trả lãi theo đúng quy định đã cam kết.

Điều 10. Nghiêm cấm các hành vi lợi dụng, tham ô, chây ỳ không trả nợ gốc, lãi và sử dụng vốn từ ngân sách tỉnh không đúng mục đích. Những tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành. Riêng các trường hợp vay vốn bị rủi ro được xử lý theo quy định tại Quy chế này.

Điều 11. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc cần phải bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp tình hình thực tế của địa phương, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh kịp thời về Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để phối hợp nghiên cứu, đề xuất UBND tỉnh xem xét, quyết định.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Cường